

ĐỀ 2 Thời gian: 60 phút

Câu 1. Phân loại các đơn vị sau theo cấu tạo (4.0 điểm)

rau cỏ, ngang ngược, bồ kết, thâm thì, ló ngó, lòng sục, chán chường, sùng sục, lái nhai, canh gác, nôn nóng, béo bở, mỏng toi, xa vời, sồn da gà, hải cẩu, ít ỏi, giữ mồm giữ miệng, ế ẩm, ốm nhách, nghệ nhân, lóng ngóng, trùng lặp, hải đăng, ốc đảo, công bố

Câu 2. Hình thức ngữ âm in đậm là của một từ hay nhiều từ? Giải thích (4.0 điểm)

- a. Máy bay hạ cánh; Nhiều mặt hàng hạ giá.*
- b. Một tiếng là 60 phút; Tiếng chim hót ríu rít.*
- c. Sống ở quê thích hơn ở thành phố; Nó ăn mặc rất quê.*

Câu 3. Giải thích nghĩa của các thành ngữ sau (2.0 điểm)

- a. ruột để ngoài da*
- b. cháy nhà ra mặt chuột*
- c. chọc gậy bánh xe*

Ghi chú: Được dùng tài liệu